UBND TỈNH TUYÊN QUANG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO

Số: 228/QĐ-ĐHTTr

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tuyên Quang, ngày 28 tháng 03 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận đạt yêu cầu bài thi và cấp chứng chỉ ứng dụng CNTT cơ bản

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO

Căn cứ Điều lệ trường đại học ban hành kèm theo Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21 tháng 06 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Thông tin và Truyền thông về việc quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của trường Đại học Tân Trào được ban hành kèm theo Quyết định số 431/QĐ-HT ngày 06/03/2015 của Hiệu trưởng trường Đại học Tân Trào;

Căn cứ Quyết định số:02/QĐ-ĐHTTr ngày 04/01/2022 của Hiệu trưởng trường Đại học Tân Trào về việc thành lập Hội đồng thi chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản năm 2022;

*Căn cứ kết quả kỳ thi chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản của **84** học viên khóa II năm 2022 do Hội đồng thi chứng chỉ ứng dụng CNTT cơ bản trường Đại học Tân Trào năm 2022 tổ chức;*

Theo đề nghị của ông (bà) Chủ tịch Hội đồng thi chứng chỉ ứng dụng CNTT cơ bản trường Đại học Tân Trào năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận đạt kết quả bài thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản cho **84** học viên đã tham gia các kỳ thi sát hạch do Hội đồng thi chứng chỉ ứng dụng CNTT cơ bản trường Đại học Tân Trào năm 2022 tổ chức *(có danh sách kèm theo)*.

Điều 2. Ông (bà) Giám đốc Trung tâm Tin học - Ngoại ngữ và các học viên có tên tại **Điều 1** căn cứ Quyết định thi hành.

Nơi nhận :
- Lãnh đạo trường ;
- Như điều 2 (t/h)
- Lưu : THNN, VT

HIỆU TRƯỞNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO

PGS.TS. Nguyễn Bá Đức

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO
HỘI ĐỒNG THI CCUDCNTT CƠ BẢN 2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH CÔNG NHẬN HỌC VIÊN HOÀN THÀNH KỲ THI SÁT HẠCH CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN KHÓA II NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số: 228. QĐ-ĐHTTr ngày 28 tháng 03 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào)

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm		Ghi chú
					TN	TL	
1	Triệu Tuấn	Anh	16/10/1987	Tuyên Quang	6.75	6.00	ĐẠT
2	Nguyễn Thị Thuý	Anh	12/12/1988	Tuyên Quang	8.75	9.00	ĐẠT
3	Phạm Thị Lan	Anh	13/11/2001	Tuyên Quang	6.75	8.00	ĐẠT
4	Phạm Thị Ngọc	Ánh	25/07/2001	Tuyên Quang	6.00	7.00	ĐẠT
5	Trần Kim	Chi	26/11/2001	Tuyên Quang	8.50	7.50	ĐẠT
6	Hứa Thị	Chiến	18/08/1988	Tuyên Quang	5.00	5.00	ĐẠT
7	Mai Doãn	Chính	22/12/1984	Tuyên Quang	5.00	7.00	ĐẠT
8	Nguyễn Thị	Dung	15/09/1986	Tuyên Quang	8.25	6.50	ĐẠT
9	Sầm Thị Kim	Dung	17/05/1992	Tuyên Quang	5.75	5.00	ĐẠT
10	Nguyễn Ngọc	Dũng	23/08/1999	Tuyên Quang	7.75	5.00	ĐẠT
11	Hoàng Huy	Đông	02/01/1982	Tuyên Quang	7.75	5.50	ĐẠT
12	Lê Anh	Đức	16/10/1981	Tuyên Quang	8.75	6.00	ĐẠT
13	Hứa Văn	Đường	25/10/1975	Tuyên Quang	8.75	5.50	ĐẠT
14	Chu Văn	Hai	02/12/1990	Phú Thọ	7.50	9.00	ĐẠT
15	Chu Thị	Hành	07/01/1987	Tuyên Quang	6.75	6.00	ĐẠT
16	Phạm Hồng	Hạnh	30/11/2001	Tuyên Quang	7.50	6.00	ĐẠT
17	Cao Thị	Hảo	01/08/1989	Tuyên Quang	8.00	8.00	ĐẠT
18	Chẩu Thị	Hằng	20/06/1989	Tuyên Quang	8.25	8.50	ĐẠT
19	Ma Thị	Hậu	15/11/1993	Tuyên Quang	9.00	6.50	ĐẠT
20	Khổng Thị Thu	Hiền	01/09/1987	Tuyên Quang	6.25	5.00	ĐẠT
21	Nguyễn Minh	Hiếu	29/05/1998	Tuyên Quang	6.75	9.00	ĐẠT
22	Lục Chí	Hiếu	05/02/1974	Tuyên Quang	6.25	6.00	ĐẠT
23	Nguyễn Thị	Hoà	26/02/1979	Tuyên Quang	9.00	5.00	ĐẠT
24	Vũ Thị	Hoàn	04/02/1994	Tuyên Quang	7.25	5.50	ĐẠT

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm		Ghi chú
					TN	TL	
25	Đặng Thị Thu	Hồng	10/07/2001	Tuyên Quang	8.50	8.50	ĐẠT
26	Nguyễn Hạ	Huy	03/11/1998	Tuyên Quang	7.00	9.00	ĐẠT
27	Cao Xuân	Huy	20/05/1989	Tuyên Quang	8.25	7.00	ĐẠT
28	Nguyễn Quang	Huy	20/09/2001	Nam Định	7.50	6.50	ĐẠT
29	Bùi Thị	Hương	13/06/1986	Tuyên Quang	7.25	7.00	ĐẠT
30	Lê Thị Hồng	Hương	01/10/1992	Tuyên Quang	7.50	6.50	ĐẠT
31	Chẩu Thị	Hương	10/10/1991	Tuyên Quang	7.50	6.50	ĐẠT
32	Nguyễn Thị	Hường	02/01/1991	Tuyên Quang	7.75	5.00	ĐẠT
33	Phạm Công	Khiêm	24/11/1985	Tuyên Quang	8.00	8.00	ĐẠT
34	Phan Thanh	Khoa	28/10/1985	Tuyên Quang	7.25	8.50	ĐẠT
35	Lý Thị	Khuy	20/09/2001	Hà Giang	7.50	7.00	ĐẠT
36	Hà Thị	Lai	08/12/1992	Tuyên Quang	7.25	5.50	ĐẠT
37	Bùi Thị	Lan	04/07/1985	Tuyên Quang	7.25	5.50	ĐẠT
38	Nguyễn Thị	Liên	22/04/1986	Tuyên Quang	8.00	5.00	ĐẠT
39	Nguyễn Thị Thuỳ	Linh	20/12/1987	Tuyên Quang	8.00	9.00	ĐẠT
40	Ngô Thuỳ	Linh	01/06/1999	Tuyên Quang	7.25	7.50	ĐẠT
41	Vũ Kim	Long	26/06/2003	Tuyên Quang	7.25	5.00	ĐẠT
42	Phạm Văn	Lượng	18/03/1990	Yên Bái	7.00	9.00	ĐẠT
43	Vương Ngọc	Mai	08/02/1988	Tuyên Quang	6.00	9.00	ĐẠT
44	Hoàng Thị	Mai	04/12/1994	Tuyên Quang	7.00	9.00	ĐẠT
45	Hoàng Thị	Mùi	13/09/1991	Tuyên Quang	5.75	5.00	ĐẠT
46	Nguyễn Hải	Ninh	11/10/2001	Tuyên Quang	5.50	5.00	ĐẠT
47	Nguyễn Thị	Nụ	23/09/1993	Hà Nội	7.75	9.50	ĐẠT
48	Nguyễn Quỳnh	Nga	10/01/1981	Tuyên Quang	7.50	9.00	ĐẠT
49	Lục Thị Phương	Nga	09/04/1986	Tuyên Quang	5.50	7.00	ĐẠT
50	Hoàng Thị Bích	Ngọ	17/12/1990	Tuyên Quang	7.25	7.50	ĐẠT
51	Vũ Kim	Ngọc	22/09/1994	Tuyên Quang	7.50	8.00	ĐẠT
52	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	25/06/1993	Hà Giang	5.50	5.00	ĐẠT
53	Đỗ Hồng Ngọc	Oanh	24/10/1991	Tuyên Quang	6.75	7.50	ĐẠT
54	Hoàng A	Phà	24/01/1993	Tuyên Quang	7.00	5.50	ĐẠT

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm		Ghi chú
					TN	TL	
55	Lê Tuấn	Phong	30/05/1978	Tuyên Quang	8.00	9.50	ĐẠT
56	Hoàng Văn	Quang	20/10/1991	Tuyên Quang	7.25	9.00	ĐẠT
57	Nguyễn Nhất	Quang	29/01/1986	Tuyên Quang	7.50	8.50	ĐẠT
58	Nguyễn Thị Bích	Quyên	14/08/1979	Tuyên Quang	7.00	6.00	ĐẠT
59	Nguyễn Phương	Quỳnh	30/05/1992	Tuyên Quang	7.50	6.00	ĐẠT
60	Vũ Thị Diễm	Quỳnh	03/12/2001	Tuyên Quang	6.50	7.00	ĐẠT
61	Lang	Sengphachanh	11/07/1999	Xiêng khoảng	5.00	5.00	ĐẠT
62	Hoàng Thuỷ	Tiên	21/10/1999	Tuyên Quang	7.75	6.50	ĐẠT
63	Trần Danh	Tú	19/08/1982	Vĩnh Phú	6.75	6.50	ĐẠT
64	Phạm Anh	Tuấn	12/07/1986	Tuyên Quang	6.50	5.00	ĐẠT
65	Hứa Thị	Tươi	11/11/1993	Tuyên Quang	5.00	6.00	ĐẠT
66	Lý Thị Hoài	Thanh	11/08/2001	Tuyên Quang	7.75	9.00	ĐẠT
67	Ngô Phương	Thảo	31/05/1991	Tuyên Quang	6.00	5.00	ĐẠT
68	Nguyễn Thị	Thảo	13/06/1988	Tuyên Quang	7.00	6.00	ĐẠT
69	Nguyễn Thị	Thơm	21/09/1992	Nam Định	7.50	8.50	ĐẠT
70	Ngô Thị Kim	Thu	08/08/1978	Tuyên Quang	8.00	7.00	ĐẠT
71	Phan Thị	Thuý	26/08/1989	Tuyên Quang	7.25	8.00	ĐẠT
72	Đinh Thị Phương	Thuý	20/12/1988	Yên Bái	7.00	5.50	ĐẠT
73	Lê Thị Kiều	Trang	25/08/1990	Tuyên Quang	8.25	9.00	ĐẠT
74	Nguyễn Quỳnh	Trang	01/09/1990	Tuyên Quang	8.00	7.00	ĐẠT
75	Nguyễn Phạm Minh	Trang	04/10/1996	Tuyên Quang	7.25	5.50	ĐẠT
76	Mông Thị	Việt	24/06/1987	Tuyên Quang	8.00	5.50	ĐẠT
77	Nguyễn Thị	Vườn	27/11/1994	Tuyên Quang	5.50	5.50	ĐẠT
78	Phùng Thị	Xuân	08/11/1981	Hà Nội	5.00	5.00	ĐẠT
79	Nguyễn Thu	Yến	04/01/1985	Tuyên Quang	5.00	5.50	ĐẠT
80	Hoàng Thị	Đằng	02/09/1983	Tuyên Quang	8.00	9.00	ĐẠT
81	Ma Thị Hồng	Tâm	21/10/1987	Tuyên Quang	8.00	9.00	ĐẠT
82	Trần Thị	Hoa	03/11/1995	Tuyên Quang	8.00	7.00	ĐẠT
83	Fuely	Chiaxaly	12/05/1997	Xiêng khoảng	8.25	7.00	ĐẠT
84	Hoàng Bích	Ngọc	25/06/1986	Tuyên Quang	8.00	7.00	ĐẠT

(Danh sách có 84 học viên)